TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2024/HS-ST
Ngày 23 - 8 -2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Huỳnh Văn Đẹp.

2/Ông Phạm Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Dũng – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 175/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/Trần Khắc H; Sinh năm: 1987 tại Hải Phòng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 04 T15 phường C, Quận N, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Căn hộ P lầu G Chung cư H, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Quốc T (chết) và bà: Phạm Kim O; có vợ: Hà Thị L và 02 con (lớn sinh năm: 2013, nhỏ sinh năm: 2015); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26/9/2003 bị Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp tài sản" theo Bản án số 285/HSST *Khi phạm tội là người dưới 16 tuổi*; ngày 13/3/2008 bị Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây tương tích" *Đã chấp hành xong hình phạt chính vào ngày 01/9/2011 và các quyết định khác của Bản án vào ngày 15/10/2010*; ngày 11/7/2017 bị Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 45

tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" *Đã chấp hành xong hình phạt chính vào ngày 17/01/2020 và các quyết định khác của Bản án vào ngày 26/6/2018.* (tất cả đã xóa án tích hoặc không tính là án tích); Bị bắt giữ ngày: 05/7/2024 đến ngày 14/7/2023 được tại ngoại.

2/Đỗ Đại D; Sinh năm: 2001 tại Hải Phòng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: H, P, D, Thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Làm thuê; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Văn T và bà: Bùi Thị T1; tiền án: 01 (Ngày 22/3/2023 bị Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 70.000.000 đồng về tội "Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự" theo Bản án số 31/2023/HS-ST *Chưa chấp hành hình phạt chính*; tiền sự: Không; nhân thân: Không tốt; Bị bắt giữ ngày: 05/7/2024 đến ngày 14/7/2023 được tại ngoại, đến ngày 29/4/2024 bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B bắt giữ để khởi tố điều tra về hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Ông Nguyễn Thái B – Sinh năm: 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: G, H, N, Ninh Thuận.

2/ Ông Lê Duy D – Sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: G, H, N, Ninh Thuận.

3/ Ông Nguyễn Thái P1 – Sinh năm: 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: G, H, N, Ninh Thuận.

4/ Ông Võ Đình X – Sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Hộ D, H, N, Ninh Thuận.

5/ Bà Đinh Thị Kim O1 – Sinh năm: 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: D Khu phố G, phường T, Quận A, TP.HCM.

6/ Ông Lê Quang H– Sinh năm: 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: G ấp M, xã X, huyện H, TP.HCM.

7/ Ông Đỗ Quốc D1 – Sinh năm: 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: G đường số A, xã X, huyện H, TP.HCM .

8/ Bà Hà Thị Thanh H1 – Sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: B đường C T, phường T, quận B, TP.HCM .

9/ Ông Nguyễn Văn T2 – Sinh năm: 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm H, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

10/ Bà Nguyễn Thị Thu D2 – Sinh năm: 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: 5 ấp M, xã T, huyện H, TP.HCM.

11/ Ông Nguyễn Quốc N – Sinh năm: 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: K ấp M, xã X, huyện H, TP.HCM .

12/ Ông Nguyễn Hoàng Út M – Sinh năm: 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện H, TP.HCM .

13/ Bà Mai Thanh T3 – Sinh năm: 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: A ấp T, xã T, huyện H, TP.HCM .

14/ Ông Nguyễn Phúc H2 – Sinh năm: 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: H Khu phố B, phường T, Quận A, TP.HCM .

15/ Ông Nguyễn Phúc H3 – Sinh năm: 2002(vắng mặt).

Địa chỉ: H khu phố B, phường T, Quận A, TP.HCM .

16/ Ông Hà Phương N1 – Sinh năm: 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: 6 Bà T, thị trấn H, huyện H, TP.HCM .

17/ Ông Trần Minh H4 – Sinh năm: 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố C, phường T, Quận A, TP.HCM .

18/ Ông Phan Đức T4 – Sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Hẻm F Khu phố F, phường T, Quận A, TP.HCM .

19/ Ông Lê Sỹ B1– Sinh năm: 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: 1 ấp B, xã B, huyện H, TP.HCM .

20/ Bà Nguyễn Thị N2 – Sinh năm: 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: C H, Phường A, Quận E, TP.HCM .

21/ Bà Võ Thị N3 – Sinh năm: 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: 1 T, Phường A, Quận H, TP.HCM .

22/ Ông Dương Văn T5 – Sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố B, phường T, Quận A, TP.HCM .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/6/2023, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an huyện Hóc Môn phối hợp Công an xã Xuân Thới Đông tuần tra khu vực Chợ đầu mối nông sản Hóc Môn phát hiện Trần Khắc H có biểu hiện nghi vấn, nên kiểm tra mời về trụ sở làm việc. Qua kiểm tra phát hiện trong điện thoại di động hiệu Iphone 13 màu đen của Trần Khắc H có tài liệu liên quan hoạt động Cho vay lãi nặng nên Công an xã Xuân Thới Đông đã lập hồ sơ ban đầu, sau đó chuyển đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn điều tra làm rõ.

Kết quả điều tra xác định: Từ khoảng cuối năm 2020, H bắt đầu hoạt động cho vay tiền lấy lãi với hình thức như sau: vay góp (còn gọi là bóc họ) và vay đứng (còn gọi là tín chấp), cụ thể:

Đối với hình thức vay góp, tuỳ vào nhu cầu vay của khách hàng và khách lựa chọn số ngày góp thì H sẽ tính toán và đề ra số tiền góp hàng ngày, số tiền này bao gồm tiền lãi và tiền gốc, sau khi khách góp đủ số ngày sẽ trừ hết tiền gốc đã vay. H đưa ra ba thời hạn cho khách góp gồm 24 ngày-30 ngày và 40 ngày (Với lãi xuất từ 0.5%-1%/ngày).

Đối với hình thức vay đứng, khách sẽ phải đóng tiền lãi hàng ngày (không bao gồm tiền gốc) cho H, khi nào khách có tiền gốc sẽ trả một lượt. Lãi suất đóng hàng ngày từ 0.5% đến 1% số tiền vay. H thuê Đỗ Đại D trả tiền công 4.000.000 đồng/tháng để D đi thu hộ tiền góp cho H từ khoảng tháng 3 năm 2023 cho đến nay (tổng cộng được trả công 12.000.000 đồng, số tiền này bị cáo lấy tiền vốn dùng để cho vay của mình thanh toán trước cho bị cáo D).

Kết quả điều tra xác định H đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, cụ thể như sau:

1. Nguyễn Thái B:

Ngày 21/4/2023 vay số tiền 5.000.000 đồng, góp 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng Lãi suất 300%/năm; B góp được 7 ngày số tiền 1.400.000 đồng thì không góp nữa, trong đó: vốn gốc 1.166.667 đồng, tổng tiền lãi thu được 233.333 đồng (tiền lãi hợp pháp 19.178 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 214.155 đồng), thu lợi bất chính 214.155 đồng.

2. Lê Duy D: Ngày 24/4/2023 vay số tiền 2.000.000 đồng, góp 24 ngày, mỗi ngày góp 100.000 đồng Lãi suất 300%/năm; D góp được 4 ngày số tiền 400.000 đồng thì không góp nữa, trong đó: vốn gốc 333.333 đồng, tổng tiền lãi thu được 66.667 đồng (tiền lãi hợp pháp 4.384 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 62.283 đồng), thu lợi bất chính 62.283 đồng.

3. Nguyễn Thái P1: Ngày 22/4/2023 vay số tiền 2.000.000 đồng, góp 24 ngày, mỗi ngày góp 100.000 đồng Lãi suất 300%/năm; P1 góp được 10 ngày số

tiền 1.000.000 đồng thì không góp nữa, trong đó: vốn gốc 833.333 đồng, tổng tiền lãi thu được 166.667 đồng (tiền lãi hợp pháp 10.959 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 155.708 đồng), thu lợi bất chính 155.708 đồng.

4. Võ Đình X: Ngày 7/5/2023 vay số tiền 2.000.000 đồng, góp 24 ngày, mỗi ngày góp 100.000 đồng Lãi suất 300%/năm; X góp được 1 ngày số tiền 100.000 đồng thì không góp nữa, trong đó: vốn gốc 83.333 đồng, tổng tiền lãi thu được 16.667 đồng (tiền lãi hợp pháp 10.956 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 15.571 đồng), thu lợi bất chính 15.571 đồng.

5. Đinh Thị Kim O1:

Vay tổng cộng 2 lần, đã hoàn thành việc thanh toán 2 khoản vay mỗi khoản 10.000.000 đồng Lãi suất 240%/năm, trong đó tổng tiền lãi thu được 4.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 328.768 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 3.671.232 đồng), thu lợi bất chính 3.671.232 đồng.

Ngày 27/6/2023 tiếp tục vay khoản vay 10.000.000 đồng; góp 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000 đồng Lãi suất 240%/năm; O1 góp được 3 ngày số tiền 1.200.000 đồng, trong đó: vốn gốc 1.000.000 đồng, tổng tiền lãi thu được 200.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 16.438 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 183.562 đồng), thu lợi bất chính 183.562 đồng.

6. Lê Quang H:

Vay 10.000.000 đồng, đã hoàn thành việc thanh toán khoản vay 10.000.000 đồng Lãi suất 180%/năm, trong đó tổng tiền lãi thu được 2.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 219.178 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 1.780.822 đồng), thu lợi bất chính 1.780.822 đồng.

Ngày 5/5/2023 tiếp tục vay khoản vay 10.000.000 đồng; góp 40 ngày, mỗi ngày góp 300.000 đồng Lãi suất 180%/năm; H góp được 23 ngày số tiền 6.900.000 đồng, trong đó: vốn gốc 5.750.000 đồng, tổng tiền lãi thu được 1.150.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 126.027 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 1.023.973 đồng), thu lợi bất chính 1.023.973 đồng.

7. Đỗ Quốc D1:

Vay 10.000.000 đồng, đã hoàn thành việc thanh toán khoản vay 10.000.000 đồng Lãi suất 240%/năm, trong đó tổng tiền lãi thu được 2.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 164.384 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 1.835.616 đồng), thu lợi bất chính 1.835.616 đồng.

Ngày 07/5/2023 tiếp tục vay khoản vay 10.000.000 đồng; góp 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000 đồng Lãi suất 240%/năm; D1 góp được 22 ngày số tiền 8.800.000 đồng, trong đó: vốn gốc 7.333.333 đồng, tổng tiền lãi thu được

1.466.667 đồng (tiền lãi hợp pháp 120.548 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 1.346.119 đồng), thu lợi bất chính 1.346.119 đồng.

8. Hà Thị Thanh H1: Ngày 14/6/2023 vay số tiền 5.000.000 đồng; góp 24 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng Lãi suất 300%/năm; H1 góp được 15 ngày số tiền 3.750.000 đồng, trong đó: vốn gốc 3.125.000 đồng, tổng tiền lãi thu được 625.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 41.096 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 583.904 đồng), thu lợi bất chính 583,904 đồng.

9. Nguyễn Văn T2: Ngày 23/6/2023 vay số tiền 5.000.000 đồng; góp 24 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng Lãi suất 300%/năm; Triển góp được 5 ngày và đóng thêm 50.000 đồng, số tiền 1.300.000 đồng, trong đó: vốn gốc 1.091.667 đồng, tổng tiền lãi thu được 208.333 đồng (tiền lãi hợp pháp 13.699 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 194.635 đồng), thu lợi bất chính 194.635 đồng.

10. Nguyễn Thị Thu D2:

Vay 10.000.000 đồng, đã hoàn thành việc thanh toán khoản vay 10.000.000 đồng Lãi suất 180%/năm, tổng tiền lãi thu được 2.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 219.178 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 1.780.822 đồng), thu lợi bất chính 1.780.000 đồng.

Khoản vay 10.000.000 ngày 09/6/2023; góp 40 ngày, mỗi ngày góp 300.000 đồng Lãi suất 180%/năm; D2 góp được 20 ngày số tiền 6.000.000 đồng, trong đó: vốn gốc 5.000.000 đồng, tổng tiền lãi thu được 1.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 109.589 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 890.411 đồng), thu lợi bất chính 890.411 đồng.

11. Nguyễn Quốc N: Ngày 09/6/2023 vay 30.000.000 đồng; góp 36 ngày, mỗi ngày góp 1.000.000 đồng Lãi suất 200%/năm; Nhận góp được 20 ngày số tiền 20.000.000 đồng, trong đó: vốn gốc 16.666.667 đồng, tổng tiền lãi thu được 3.333.333 đồng (tiền lãi hợp pháp 328.767 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 3.004.566 đồng), thu lợi bất chính 3.004.566 đồng.

12. Nguyễn Hoàng Út M: Ngày 24/6/2023 vay số tiền 3.000.000 đồng; góp 24 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng Lãi suất 300%/năm; M góp được 6 ngày số tiền 900.000 đồng, trong đó: vốn gốc 750.000 đồng, tổng tiền lãi thu được 150.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 9.863 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 140.137 đồng), thu lợi bất chính 140.137 đồng.

13. Mai Thanh T3:

Ngày 16/6/2023 vay số tiền 5.000.000 đồng; góp 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng Lãi suất 240%/năm; T3 góp được 10 ngày số tiền 2.000.000 đồng, trong đó: vốn gốc 1.666.667 đồng, tổng tiền lãi thu được 333.333 đồng (tiền lãi

hợp pháp 27.397 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 305.936 đồng), thu lợi bất chính 305.936 đồng.

Ngày 18/6/2023 tiếp tục vay số tiền 10.000.000 đồng; góp 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000 đồng Lãi suất 240%/năm; T3 góp được 10 ngày số tiền 4.000.000 đồng, trong đó: vốn gốc 3.333.333 đồng, tổng tiền lãi thu được 666.667 đồng (tiền lãi hợp pháp 54.795 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 611.872 đồng), thu lợi bất chính 611.872 đồng.

14. Nguyễn Phúc H2: Ngày 26/6/2023 vay số tiền 10.000.000 đồng; góp 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000 đồng Lãi suất 240%/năm; Hân góp được 3 ngày số tiền 1.200.000 đồng, trong đó: vốn gốc 1.000.000 đồng, tổng tiền lãi thu được 200.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 16.438 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 183.562 đồng), thu lợi bất chính 183.562 đồng.

15. Nguyễn Phúc H3:

Ngày 26/4/2023 vay số tiền 2.000.000 đồng; góp 24 ngày, mỗi ngày góp 100.000 đồng Lãi suất 300%/năm; H3 góp đủ, tổng tiền lãi thu được 400.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 26.301 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 373.699 đồng), thu lợi bất chính 373.699 đồng.

Ngày 6/6/2023 tiếp tục vay số tiền 5.000.000 đồng; góp 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng Lãi suất 240%/năm; Hoan góp được 12 ngày số tiền 2.400.000 đồng, trong đó: vốn gốc 2.000.000 đồng, tổng tiền lãi thu được 400.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 32.877 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 367.123 đồng), thu lợi bất chính 367.123 đồng.

16. Hà Phương N1:

Vay tổng cộng 3 lần, đã hoàn thành thanh toán 3 khoản vay mỗi khoản 10.000.000 đồng Lãi suất 180%/năm, trong đó tổng tiền lãi thu được 6.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 657.534 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 5.342.466 đồng), thu lợi bất chính 5.342.466 đồng.

Ngày 17/6/2023 tiếp tục vay số tiền 10.000.000 đồng, góp 40 ngày, mỗi ngày góp 300.000 đồng Lãi suất 180%/năm; N1 góp được 7 ngày với số tiền 2.100.000 đồng, trong đó: vốn gốc 1.750.000 đồng, tổng tiền lãi thu được 350.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 38.356 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 311.644 đồng), thu lợi bất chính 311.644 đồng.

17. Trần Minh H4: Ngày 19/6/2023 vay số tiền 5.000.000 đồng; góp 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng Lãi suất 240%/năm; H4 góp được 9 ngày số tiền 1.800.000 đồng, trong đó: vốn gốc 1.500.000 đồng, tổng tiền lãi thu được 300.000

đồng (tiền lãi hợp pháp 24.658 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 275.342 đồng), thu lợi bất chính 275.342 đồng.

18. Phan Đức T4: Ngày 30/5/2023 vay số tiền 7.000.000 đồng; góp 42 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng Lãi suất 171%/năm; T4 góp được 24 ngày số tiền 4.800.000 đồng, trong đó: vốn gốc 4.000.000 đồng, tổng tiền lãi thu được 800.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 92.055 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 707.945 đồng), thu lợi bất chính 707.945 đồng.

19. Lê Sỹ B1:

Ngày 17/3/2023 vay số tiền 5.000.000 đồng; góp 24 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng Lãi suất 300%/năm; Bách đã góp đủ, tổng tiền lãi thu được 1.000.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 65.753 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 934.247 đồng), thu lợi bất chính 934.247 đồng.

Ngày 17/5/2023 tiếp tục vay số tiền 20.000.000 đồng; góp 40 ngày, mỗi ngày góp 600.000 đồng Lãi suất 180%/năm; Bách góp được 38 ngày số tiền 22.800.000 đồng, trong đó: vốn gốc 19.000.000 đồng, tổng tiền lãi thu được 3.800.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 416.438 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 3.383.562 đồng), thu lợi bất chính 3.383.562 đồng.

20. Nguyễn Thị N2: Ngày 18/4/2023 vay số tiền 5.000.000 đồng; góp 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng Lãi suất 240%/năm; Nữ góp được 18 ngày, nợ lại 100.000 đồng, số tiền đã góp là 3.500.000 đồng, trong đó: vốn gốc 2.916.667 đồng, tổng tiền lãi thu được 583.333 đồng (tiền lãi hợp pháp 47.945 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 535.388 đồng), thu lợi bất chính 535.388 đồng.

21. Võ Thị N3:

Lần 1 vay 2.000.000 đồng, góp 24 ngày, mỗi ngày 100.000 đồng Lãi suất 300%/năm, đã hoàn thành khoản vay, tổng tiền lãi thu được 400.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 26.301 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 373.699 đồng), thu lợi bất chính 373.699 đồng.

Lần 2 vay 3.000.000 đồng, góp 24 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng Lãi suất 300%/năm, đã hoàn thành khoản vay, tổng tiền lãi thu được 600.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 39.452 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 560.548 đồng), thu lợi bất chính 560.548 đồng.

Lần 3 ngày 2/5/2023 vay 4.000.000 đồng, góp 24 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng Lãi suất 300%/năm, N3 đóng được 5 ngày số tiền 1.000.000 đồng, trong đó: vốn gốc 833.333 đồng, tổng tiền lãi thu được 166.667 đồng (tiền lãi hợp pháp 10.959 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 155.708 đồng), thu lợi bất chính 155.708 đồng.

22. Dương Văn T5:

Ngày 13/6/2023 vay số tiền 3.000.000 đồng; góp 24 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng Lãi suất 300%/năm; sau đó T5 đáo hạn khoản vay, tổng tiền lãi thu được 600.000 đồng (tiền lãi hợp pháp 39.452 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 560.548 đồng), thu lợi bất chính 560.548 đồng.

Ngày 18/6/2023 T5 vay 1.000.000 đồng, góp 24 ngày, mỗi ngày 50.000 đồng Lãi suất 300%/năm; T5 góp được 10 ngày số tiền 500.000 đồng, trong đó: vốn gốc 416.667 đồng, tổng tiền lãi thu được 83.333 đồng (tiền lãi hợp pháp 5.479 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 77.854 đồng), thu lợi bất chính 77.854 đồng.

Ngày 24/6/2023 T5 vay 1.000.000 đồng, góp 24 ngày, mỗi ngày 50.000 đồng Lãi suất 300%/năm; T5 góp được 04 ngày số tiền 200.000 đồng, trong đó: vốn gốc 166.667 đồng, tổng tiền lãi thu được 33.333 đồng (tiền lãi hợp pháp 2.192 đồng, tiền lãi bất hợp pháp 31.142 đồng), thu lợi bất chính 31.142 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn đã quyết định khởi tố điều tra đối với Trần Khắc H, Đỗ Đại D về hành vi "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Vật chứng vụ án:

Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A51, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen (thu giữ của Trần Khắc H), 25.320.141 đồng tiền Việt Nam (thu giữ của Trần Khắc H); là phương tiện dùng vào việc phạm tội hay do phạm tội mà có; Công an huyện Hóc Môn đã tạm giữ lại.

Tại Cáo trạng số 72/CT-VKS-HM ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Trần Khắc H, Đỗ Đại D về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, bị hại, nêu lên những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (Tái phạm) và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) và nhân thân của từng bị cáo; đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201; khoản 1 Điều 53;

điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt:

Trần Khắc H: từ 120.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng.

Đỗ Đại D: từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng, tổng hợp hình phạt 70.000.000 đồng của Bản án số 31/2023/HS-ST ngày 22/3/2023 của Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi tỉnh Quảng Ngãi về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ 170.000.000 đồng đến 190.000.000 đồng.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đề nghị xử lý trách nhiệm và các biện pháp tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của các bị cáo: Không có ý kiến tranh luận gì.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình; qua lời khai nhận của các bị cáo, đối chiếu với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nội dung dữ liệu điện tử trong điện thoại di động, bản sao kê tài khoản ngân hàng, vật chứng, bản kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Trần Khắc H, Đỗ Đại D đã thống nhất ý chí hành động thực hiện hành vi "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" với lãi suất gấp 05 lần trở lên so với lãi suất cao nhất theo quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm (cụ thể lãi suất cho vay từ 171%/năm đến 300%/năm) và thu lợi bất chính tổng cộng: 214.155 đồng (từ Nguyễn Thái B) + 62.283 đồng (từ Lê Duy D) + 155.708 đồng (từ Nguyễn Thái P1) + 15.571 đồng (từ Võ Đình X) + 3.671.232 đồng + 183.562 đồng (từ Đinh Thị Kim O1) + 1.780.822 đồng + 1.023.973 đồng (từ Lê Quang H) + 1.835.616 đồng + 1.346.119 đồng (từ Đỗ Quốc D1) + 583.904 đồng (từ Hà Thị Thanh H1) + 194.635 đồng (từ Nguyễn Văn T2) + 1.780.000 đồng + 890.411 đồng (từ Nguyễn Thị Thu D2) + 3.004.566 đồng (từ Nguyễn Quốc N) + 140.137 đồng (từ Nguyễn Hoàng Út M) + 305.936 đồng + 611.872 đồng (từ Mai Thanh T3) + 183.562 đồng (từ Nguyễn Phúc H2) + 373.699 đồng + 367.123 đồng (từ Nguyễn Phúc H3) + 5.342.466 đồng + 311.644 đồng (từ Hà Phương N1) + 275.342 đồng (từ Trần Minh Hải) + 707.945 đồng (từ Phan Đức T4) + 934.247 đồng + 3.383.562 đồng (từ Lê Sỹ B1) + 535.388 đồng (từ Nguyễn Thị N2) + 373.699 đồng + 560.548 đồng + 155.708 đồng (từ Võ Thị N3) + 560.548 đồng + 77.854 đồng + 31.142 đồng (từ Dương Văn T5) = 31.974.979 đồng.

Do vậy, các bị cáo Trần Khắc H, Đỗ Đại D bị truy tố và xét xử "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Trong vụ án này, các bị cáo là đồng phạm giúp sức, thông mưu đơn giản; trong đó bị cáo H có vai trò tích cực nhất là người bỏ vốn ra cho vay, thu hồi lãi suất bất hợp pháp; còn bị cáo D là người làm công giúp sức cho bị H trong việc thu tiền từ người vay. Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cụ thể cần thiết phải đưa các bị cáo ra xét xử trước pháp luật và áp dụng hình phạt nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo D có 01 tiền án (Ngày 22/3/2023 bị Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 70.000.000 đồng về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo Bản án số 31/2023/HS-ST), bị cáo đã từng bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng nhưng chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội ít nghiêm trọng do cố ý, nên thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017), do vậy bị cáo bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với từng bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Do cần xem xét áp dụng hình phạt chính nghiêm khắc là hình phạt tiền đối với các bị cáo, nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về tổng hợp hình phạt chính của các bản án:

Xét thấy, bị cáo Đỗ Đại D có 01 tiền án (Ngày 22/3/2023 bị Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 70.000.000 đồng về tội "Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự" theo Bản án số 31/2023/HS-ST), nay bản án đã phát sinh hiệu lực pháp luật, nhưng bị cáo D chấp hành hình phạt chính của bản án này; nên cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt trên với hình phạt của bản án xét xử lần này, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[5] Về xử lý vật chứng vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Đối với các khoản thu lợi bất chính mà các bị cáo có được từ việc thu phần lãi suất cao hơn lãi suất quy định của pháp luật từ người vay và bị cáo H hưởng lợi và sử dụng một mình nay tại phiên tòa bị cáo H xin tự nguyện một mình có trách nhiệm trả lại cho người vay tiền, có cơ sở xác định là: Nguyễn Thái B: 214.155 đồng; Lê Duy D: 62.283 đồng; Nguyễn Thái P1: 155.708 đồng; Võ Đình X: 15.571 đồng; Đinh Thị Kim O1: 3.671.232 đồng + 183.562 đồng = 3.584.794 đồng; Lê Quang H: 1.780.822 đồng + 1.023.973 đồng = 2.804.795 đồng; Đỗ Quốc D1: 1.835.616 đồng + 1.346.119 đồng = 3.181.735 đồng; Hà Thị Thanh H1: 583.904 đồng; Nguyễn Văn T2: 194.635 đồng; Nguyễn Thị Thu D2: 1.780.000 đồng + 890.411 đồng = 2.670.411 đồng; Nguyễn Quốc N: 3.004.566 đồng; Nguyễn Hoàng Út M 140.137 đồng; Mai Thanh T3: 305.936 đồng + 611.872 đồng = 917.808 đồng; Nguyễn Phúc H2: 183.562 đồng; Nguyễn Phúc H3: 373.699

đồng + 367.123 đồng = 740.822 đồng; Hà Phương N1: 5.342.466 đồng + 311.644 đồng = 5.654.110 đồng; Trần Minh H4: 275.342 đồng; Phan Đức T4: 707.945 đồng; Lê Sỹ B1: 934.247 đồng + 3.383.562 đồng = 4.317.809 đồng; Nguyễn Thị N2: 535.388 đồng; Võ Thị N3: 373.699 đồng + 560.548 đồng + 155.708 đồng = 1.089.955 đồng; Dương Văn T5: 560.548 đồng + 77.854 đồng + 31.142 đồng = 669.544 đồng; vậy căn cứ vào Điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ9-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, buộc bị cáo H có trách nhiệm giao nộp lại cá khoản tiền tương ứng cho từng người vay như đã nêu trên.

Đối với các khoản vốn mà bị cáo đã cho vay nặng lãi và thu hồi được, tổng cộng xác định được là: 1.166.667 đồng (đã thu hồi vốn từ Nguyễn Thái B) + 333.333 đồng (đã thu hồi vốn từ Lê Duy D) + 833.333 đồng (đã thu hồi vốn từ Nguyễn Thái P1) + 83.333 đồng (đã thu hồi vốn từ V) + (10.000.000 đồng x 2 + 1.000.000 đồng) (đã thu hồi vốn từ Đinh Thị Kim O1) + (10.000.000 đồng + 5.750.000 đồng) (đã thu hồi vốn từ Lê Quang H) + (10.000.000 đồng + 7.333.333 đồng) (đã thu hồi vốn từ Đỗ Quốc D1) + 3.125.000 đồng (đã thu hồi vốn từ Hà Thị Thanh H1) + 1.091.667 đồng (đã thu hồi vốn từ Nguyễn Văn T2) + (10.000.000 đồng + 5.000.000 đồng) (đã thu hồi vốn từ Nguyễn Thị Thu D2) + 16.666.667 đồng (đã thu hồi vốn từ Nguyễn Quốc N) + 750.000 đồng (đã thu hồi vốn từ Nguyễn Hoàng Út M) + (1.666.667 đồng + 3.333.333 đồng) (đã thu hồi vốn từ Mai Thanh T3) + 1.000.000 đồng (đã thu hồi vốn từ Nguyễn Phúc H2) + (2.000.000 đồng + 2.000.000 đồng) (đã thu hồi vốn từ Nguyễn Phúc H3) + (10.000.000 đồng x 3 + 1.750.000 đồng) (đã thu hồi vốn từ Hà Phương N1) + 1.500.000 đồng (đã thu hồi vốn từ Trần Minh Hải) + 4.000.000 đồng (đã thu hồi vốn từ Phan Đức T4) + (5.000.000 đồng + 19.000.000 đồng) (đã thu hồi vốn từ Lê Sỹ B1) + 2.916.667 đồng (đã thu hồi vốn từ Nguyễn Thị N2) + (2.000.000 đồng + 3.000. 000 đồng + 833.333 đồng) (đã thu hồi vốn từ Võ Thị N3) + (3.000.000 đồng + 416.667 đồng + 166.667 đồng) (đã thu hồi vốn từ Dương Văn T5) = 176.716.667 đồng; là phương tiện dùng vào việc phạm tội, trong đó đã trích ra 12.000.000 đồng trả lương cho bị cáo D; vậy căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước, bị cáo Trần Khắc H có trách nhiệm giao nộp lại: 176.716.667 đồng – 12.000.000 đồng = 164.716.667 đồng và bị cáo Đỗ Đại D có trách nhiệm giao nộp lại 12.000.000 đồng.

Đối với các khoản lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật mà bị cáo có được từ hoạt động cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự (lãi suất hợp pháp) và bị cáo H hưởng lợi và sử dụng một mình, nay tại phiên tòa bị cáo H xin tự nguyện một mình giao nộp lại, có cơ sở xác định được: 19.178 đồng (từ Nguyễn

Thái B) + 4.384 đồng (từ Lê Duy D) + 10.959 đồng (từ Nguyễn Thái P1) + 10.956 đồng (từ Võ Đình X) + 328.768 đồng + 16.438 đồng (từ Đinh Thị Kim O1) + 219.178 đồng + 126.027 đồng (từ Lê Quang H) + 164.384 đồng + 120.548 đồng (từ Đỗ Quốc D1) + 41.096 đồng (từ Hà Thị Thanh H1) + 13.699 đồng (từ Nguyễn Văn T2) + 219.178 đồng + 109.589 đồng (từ Nguyễn Thị Thu D2) + 328.767 đồng (từ Nguyễn Quốc N) + 9.863 đồng (từ Nguyễn Hoàng Út M) + 27.397 đồng + 54.795 đồng (từ Mai Thanh T3) + 16.438 đồng (từ Nguyễn Phúc H2) + 26.301 đồng + 32.877 đồng (từ Nguyễn Phúc H3) + 657.534 đồng + 38.356 đồng (từ Hà Phương N1) + 24.658 đồng (từ Trần Minh Hải) + 92.055 đồng (từ Phan Đức T4) + 65.753 đồng + 416.438 đồng (từ Lê Sỹ B1) + 47.945 đồng (từ Nguyễn Thị N2) + 26.301 đồng + 39.452 đồng + 10.959 đồng (từ Võ Thị N3) + 39.452 đồng + 5.479 đồng + 2.192 đồng (từ Dương Văn T5) = 3.367.394 đồng; vậy căn cứ vào Điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ9-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,, bị cáo H có trách nhiệm giao nộp lại.

Đối với các khoản tiền gốc mà người vay chưa trả, có cơ sở xác định là: Nguyễn Thái B: 5.000.000 đồng - 1.166.667 đồng = 3.833.333 đồng; Lê Duy D: 2.000.000 đồng - 333.333 đồng = 1.666.667 đồng; Nguyễn Thái P1: 2.000.000 đồng - 833.333 đồng = 1.166.667 đồng; Võ Đình X: 2.000.000 đồng - 83.333 đồng = 1.916.667 đồng; Đinh Thị Kim O1: 10.000.000 đồng - 1.000.000 đồng = 9.000.000 đồng; Lê Quang H: 10.000.000 đồng - 5.750.000 đồng = 4.250.000 đồng; Đỗ Quốc D1: 10.000.000 đồng - 7.333.333 đồng =2.666.667 đồng; Hà Thị Thanh H1: 5.000.000 đồng - 3.125.000 đồng = 1.875.000 đồng; Nguyễn Văn T2: 5.000.000 đồng -1.091.667 đồng = 3.908.333 đồng; Nguyễn Thị Thu D2: 10.000.000 đồng - 5.000.000 đồng = 5.000.000 đồng; Nguyễn Quốc N: 30.000.000 đồng - 16.666.667 đồng = 13.333.333 đồng; Nguyễn Hoàng Út M: 3.000.000 đồng - 750.000 đồng = 2.250.000 đồng; Mai Thanh T3: (5.000.000 đồng -1.666.667 đồng) + (10.000.000 đồng - 3.333.333 đồng) =10.000.000 đồng; Nguyễn Phúc H2: 10.000.000 đồng -1.000.000 đồng = 9.000.000 đồng; Nguyễn Phúc H3: 5.000.000 đồng - 2.000.000 đồng = 3.000.000 đồng; Hà Phương N1: 10.000.000 đồng - 1.750.000 đồng = 8.250.000 đồng; Trần Minh H4: 5.000.000 đồng - 1.500.000 đồng = 3.500.000 đồng; Phan Đức T4: 7.000.000 đồng - 4.000.000 đồng = 3.000.000 đồng; Lê Sỹ B1: 20.000.000 đồng - 19.000.000 đồng = 1.000.000 đồng; Nguyễn Thị N2: 5.000.000 đồng - 2.916.667 đồng = 2.083.333 đồng; Võ Thị N3: 4.000.000 đồng - 833.333 đồng = 3.166.667 đồng; Dương Văn T5: (1.000.000 đồng - 416.667 đồng) + (1.000.000 đồng - 166.667 đồng) = 250.000 đồng; đây là các khoản tiền mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội, vậy căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu,

nộp ngân sách Nhà nước các khoản trên, từng người vay có trách nhiệm giao nộp lại.

Về xử lý vật chứng:

Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A51; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; 25.320.141 đồng tiền Việt Nam (thu giữ của Trần Khắc H); là phương tiện dung vào việc phạm tội; vậy căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với khoản tiền 25.320.141 đồng tiền Việt Nam (thu giữ của Trần Khắc H) là tiền vốn vay, tiền lãi có được từ hoạt động cho vay; vậy căn cứ vào Điều 128 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, kê biên lại khoản tiền trên để đảm bảo việc thi hành án đối với bị cáo H.

Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Khắc H, Đỗ Đại D phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Khắc H 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; khoản 1 Điều 53; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Đỗ Đại D 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng, tổng hợp hình phạt 70.000.000 (Bảy triệu đồng) tại Bản án số 31/2023/HS-ST ngày 22/3/2023 của Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi tỉnh Quảng Ngãi, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 190.000.000 (Một trăm chín mươi triệu) đồng.

- Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ9-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; buộc bị cáo Trần Khắc H có trách nhiệm trả lại các khoản tiền (thu lợi bất chính) tương ứng cho từng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (người vay), cụ thể như sau:

Nguyễn Thái B: 214.155 đồng; Lê Duy D: 62.283 đồng; Nguyễn Thái P1: 155.708 đồng; Võ Đình X: 15.571 đồng; Đinh Thị Kim O1: 3.584.794 đồng; Lê Quang H: 2.804.795 đồng; Đỗ Quốc D1: 13.181.735 đồng; Hà Thị Thanh H1: 583.904 đồng; Nguyễn Văn T2: 194.635 đồng; Nguyễn Thị Thu D2: 12.670.411 đồng; Nguyễn Quốc N: 3.004.566 đồng; Nguyễn Hoàng Út M 140.137 đồng; Mai Thanh T3: 917.808 đồng; Nguyễn Phúc H2: 183.562 đồng; Nguyễn Phúc H3: 740.822 đồng; Hà Phương N1: 5.654.110 đồng; Trần Minh H4: 275.342 đồng; Phan Đức T4: 707.945 đồng; Lê Sỹ B1: 4.317.809 đồng; Nguyễn Thị N2: 535.388 đồng; Võ Thị N3: 1.089.955 đồng; Dương Văn T5: 669.544 đồng.

- Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, nộp ngân sách nước các khoản tiền:

*164.716.667 (Một trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm mười sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng, bị cáo Trần Khắc H có trách nhiệm giao nộp lại.

*12.000.000 (Mười hai triệu) đồng, bị cáo Đỗ Đại D có trách nhiệm giao nộp lại.

- Căn cứ vào Điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ9-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 3.367.394 (Ba triệu ba trăm sáu mươi bảy ngàn ba trăm chín mươi tư) đồng, bị cáo Trần Khắc H có trách nhiệm giao nộp lại.

- Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước các khoản tiền, từng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (người vay) có trách nhiệm tương ứng giao nộp lại, cụ thể như sau:

Nguyễn Thái B: 3.833.333 đồng; Lê Duy D: 1.666.667 đồng; Nguyễn Thái P1: 1.166.667 đồng; Võ Đình X: 1.916.667 đồng; Đinh Thị Kim O1: 9.000.000 đồng; Lê Quang H: 4.250.000 đồng; Đỗ Quốc D1: 2.666.667 đồng; Hà Thị Thanh H1: 1.875.000 đồng; Nguyễn Văn T2: 3.908.333 đồng; Nguyễn Thị Thu D2: 5.000.000 đồng; Nguyễn Quốc N: 13.333.333 đồng; Nguyễn Hoàng Út M: 2.250.000 đồng; Mai Thanh T3: 10.000.000 đồng; Nguyễn Phúc H2: 9.000.000 đồng; Nguyễn Phúc H3: 3.000.000 đồng; Hà Phương N1: 8.250.000 đồng; Trần Minh H4: 3.500.000 đồng; Phan Đức T4: 3.000.000 đồng; Lê Sỹ B1: 1.000.000 đồng; Nguyễn Thị N2: 2.083.333 đồng; Võ Thị N3: 3.166.667 đồng; Dương Văn T5: 250.000 đồng.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi nợ quá hạn của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A51; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen.

- Căn cứ vào Điều 128 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, kê biên khoản tiền 25.320.141 (Hai mươi lăm triệu ba trăm hai mươi ngàn một trăm bốn mươi mốt) đồng, để đảm bảo việc thi hành án đối với bị cáo Trần Khắc H.

(Tình trạng vật chứng và tài sản theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 20/02/2024 giữa Công an huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Buộc: Mỗi bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo tính từ ngày tuyên án; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (1)
- VKSND H.HM; (4)
- Công an H.HM; (2)
- Chi cục THADS H.HM; (1)
- Người tham gia tố tụng; (24)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (8)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Triệu Luật